

BẢNG GIÁ THUỐC
Năm 2024

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Đơn vị tính	Giá bán
1	A.T DOMPERIDON 1mg/ml x 30ml 1n	AN THIÊN	Việt Nam	1mg/ml x 3	Chai	4.680,50
2	A.T IBUPROFEN SYRUP 100mg/5ml	AN THIÊN	Việt Nam	100mg/5ml	Chai	19.099,50
3	A.T SODIUM PHOSPHATES (7,2g + 2	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	(7,2g + 2,7g	Chai	47.080,00
4	A.T ZINC 10mg	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	10mg	Viên	174,80
5	ACC 200 200 mg	Lindopharm GmbH	Đức	200 mg	Gói	1.776,50
6	ACETAB 325 325mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	325mg	Viên	241,50
7	ACETUSS Mỗi 10ml chứa: N-Acetylcy	Công ty Cổ phần dược V	Việt Nam	Mỗi 10ml c	Ổng	7.169,00
8	ACLASTA 5mg/100ml 5mg-100ml	Fresenius Kabi Austria	Áo	5mg-100ml	Chai	6.896.718,78
9	ACYCLOVIR STELLA 800mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	800mg	Viên	4.399,99
10	AERIUS 0,5mg/ml-60ml	Schering - Plough Labo	Bi	0,5mg/ml-6	Chai	84.422,04
11	AGI-BROMHEXINE 4 4mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	4mg	Viên	396,75
12	AGI-CALCI 1.250mg+200UI	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	1.250mg+2	Viên	1.000,50
13	AGI-CALCI 1.250mg+200UI	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	1.250mg+2	Viên	1.564,19
14	AGIDOPA 250mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	250mg	Viên	649,75
15	AGIFIVIT	CÔNG TY CỔ PHẦN	Việt Nam	10mg	Viên	471,49
16	AGIFUROS 40mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	40mg	Viên	109,25
17	AGIMSTAN 40mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	40mg	Viên	603,75
18	AGINFOLIX 5 5mg	Agimexpharm	Việt Nam	5mg	Viên	316,25
19	AGIRENYL 5.000IU	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	5.000IU	Viên	258,74
20	AGI-TYFEDOL 500 500mg	Agimexpharm	Việt Nam	500mg	Viên	511,75
21	AGI-VITAC 500mg	Agimexpharm	Việt Nam	500mg	Viên	189,75
22	ALDORIC FORT 200 mg	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	200 mg	Viên	4.950,00
23	ALFA- LIPOGAMMA 600 ORAL 600r	Dragenopharm Apothek	Germany	600mg	Viên	17.976,00
24	AMLOR CAP 5mg 5mg	Pfizer	France	5mg	Viên	8.124,51
25	ANTIKANS 80mg	Công ty TNHH MTV 1	Việt Nam	80mg	Viên	4.950,00
26	ARCOXIA 90mg	Rovi Pharma Industrial	Tây Ban N	90mg	Viên	16.740,15
27	ASGIZOLE 20mg	Valpharma International	Italia	20mg	Viên	17.655,00
28	ASPIRIN STELLA 81mg 81mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	81mg	Viên	390,99
29	ASTHMATIN 4 4mg	Công ty TNHH LD Stel	Việt Nam	4mg	Viên	1.149,99
30	ATIZIDIN 10mg 10mg	AN THIÊN	Việt Nam	10mg	Viên	4.573,80
31	AUGMENTIN 1000 875mg+125mg	SmithKline Beecham	Anh	875mg+125	Viên	17.847,60
32	AUGMENTIN 250 250mg+31,25mg	Glaxo Wellcome Produ	Pháp	250mg+31,2	Gói	11.416,90
33	AUGMENTIN 500 500mg+62,5mg	Glaxo Wellcome Produ	Pháp	500mg+62,5	Gói	17.134,98
34	AUGMENTIN 625 500mg+125mg	SmithKline Beecham	Anh	500mg+125	Viên	12.771,52
35	B12 ANKERMANN 1000 mcg		Germany	1000 mcg	Viên	7.490,00

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Đơn vị tính	Giá bán
36	BACTEROCIN OINT Mỗi gram thuốc chứa :Mupirocin 20mg		Hàn Quốc	Mỗi gram th	Tuýp	110.250,00
37	BAMBEC 10mg	AstraZeneca Pharmaceu	Trung Quố	10mg	Viên	6.033,73
38	BANITASE 100mg + 25mg + 150mg +	Công ty TNHH Phil Inte	Việt Nam	100mg + 25	Viên	8.025,00
39	BEFUCID 300 mg + 15 mg	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	300 mg + 15	Tuýp	45.164,70
40	BENZINA 10 10mg	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	10mg	Viên	2.640,00
41	BERODUAL MDI (0,05mg+0,021mg)	Boehringer Ingelheim	Đức	(0,05mg+0,	Lọ	138.938,10
42	BETAHISTINE STELLA 16mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	16mg	Viên	804,99
43	BETALOC ZOK 50mg	ASTRAZENECA AB	Thụy Điển	50mg	Viên	5.874,30
44	BETASERC 24MG 24mg	Mylan Laboratories SA	Pháp	24mg	Viên	6.379,34
45	BIOKETOCA 67mg + 101mg + 68mg +	Công ty TNHH Sinh dư	Việt Nam	67mg + 101	Viên	14.338,00
46	BISOPROLOL 2,5mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	2,5mg	Viên	597,99
47	BLUEMINT 500mg	Công ty TNHH Phil Inte	Việt Nam	500mg	Viên	4.070,00
48	BOMETAN 50mcg + 0,5mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	50mcg + 0,5	Tuýp	189.000,00
49	BREXIN 20mg	Chiesi Farmaceutici S.p	Ý	20mg	Viên	8.112,74
50	BUSCOPAN 10mg	DELPHARM REIMS	Pháp	10mg	Viên	1.232,00
51	CALCIMAX 141,7mg + 136,6mg + 250	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	141,7mg +	Ống	7.490,00
52	CALCIUM STELLA 2,940g+0,300g	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	2,940g+0,30	Viên	3.850,00
53	CAMLYHEPATINSOF 80mg + 10mg	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	80mg + 10n	Viên	7.490,00
54	CAPTOPRIL STELLA 25mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	25mg	Viên	552,00
55	CAVINTON FORTE 10 mg	Gedeon Richter Plc	Hungary	10 mg	Viên	4.620,00
56	CEFDINIA 125mg 125mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	125mg/ 5ml	Chai	109.200,00
57	CEFTOPIX 200 200mg	Cadila Pharmaceuticals	Ấn Độ	200mg	Viên	13.910,00
58	CEPHALEXIN PMP 500 500mg	Công ty cổ phần Pymep	Việt Nam	500mg	Viên	1.462,99
59	CEREBROLYSIN 215,2mg/ml-10ml	Ever Pharma Jena Gmb	Đức	215,2mg/ml	Ống	110.029,50
60	CETIRIZINE STELLA 10mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	10mg	Viên	459,99
61	CETRAXAL 0,2%-0,25ml	Laboratorios Salvat, S.A	Tây Ban N	0,2%-0,25m	Ống	9.202,00
62	CEZINCO (100mg + 10mg)/5ml	Công ty TNHH Dược P	Việt Nam	(100mg + 1	Ống	9.630,00
63	CISTINIC	Công ty TNHH dược ph	Việt Nam		Viên	5.170,00
64	CLARITHROMYCIN STELLA 500mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	500mg	Viên	4.179,99
65	CLONICAP 250 mg	CPC1 Hà Nội	Việt Nam	250 mg	Viên	11.556,00
66	CLOPHENIRAMIN 4mg 4mg	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	4mg	Viên	49,45
67	COBERGON 250 mg	CPC1 Hà Nội	Việt Nam	250 mg	Viên	13.375,00
68	COBERGON 250 mg	CPC1 Hà Nội	Việt Nam	250 mg	Viên	13.375,00
69	COFIDEC 200MG 200mg	Lek Pharmaceutic als d.	Slovenia	200mg	Viên	9.737,00
70	COLCHICINE STELLA 1MG 1mg	Công ty TNHH LD Stel	Việt Nam	1mg	Viên	1.209,98
71	COMBIVENT 2,5mg+0,5mg - 2,5ml	LABORATOIRE UNIT	Pháp	2,5mg+0,5n	Lọ	17.199,09
72	CÒN XOA BÓP 3g, 3g, 1,8g, 1,8g, 1,2g	Chi nhánh công ty cổ ph	Việt Nam	3g, 3g, 1,8g	Chai	22.470,00
73	CONCOR 2,5mg 2,5mg	Merck KGaA	Áo	2,5mg	Viên	3.461,70
74	CONCOR 5mg 5mg	Merck KGaA	Áo	5mg	Viên	4.719,00

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Đơn vị tính	Giá bán
75	CONIPA 70mg-10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	70mg-10ml	Ống	4.950,00
76	COVERAM 5MG/5MG 5mg+5mg	Servier Ireland Industrie	Ailen	5mg+5mg	Viên	7.050,23
77	COVERSYL 10MG 10mg	Les Laboratoires Servier	Pháp	10mg	Viên	7.579,88
78	COVERSYL 5MG 5mg	Les Laboratoires Servier	Pháp	5mg	Viên	5.379,96
79	COVERSYL PLUS 5MG/1,25MG 5mg	Les Laboratoires Servier	Pháp	5mg+1,25m	Viên	6.955,00
80	CRAVIT 0,5%-5ml	Santen Pharmaceutical C	Nhật Bản	0,5%-5ml	Lọ	94.711,05
81	CRESTOR 10 MG 10mg	iPR Pharmaceuticals Inc	Mỹ	10mg	Viên	10.588,72
82	CURAM 1000 875mg+125mg	Lek Pharmaceuticals d.o	Slovenia	875mg+125	Viên	7.265,30
83	CURAM 625 500mg+125mg	Lek Pharmaceuticals d.o	Slovenia	500mg+125	Viên	4.609,00
84	CYSTINICE 500mg	Công ty TNHH dược ph	Việt Nam	500mg	Viên	4.180,00
85	DACTUS 300mg	Remedica	Cộng hòa	300mg	Viên	4.620,00
86	DAEHWAKEBANON 30mg	DAEHAN NEWPHARM	Hàn Quốc	30mg	Miếng	10.513,82
87	DAFLON 1000MG 900mg + 100mg	Les Laboratoires Servier	Pháp	900mg + 10	Viên	6.762,40
88	DAFLON 500MG 450mg+50mg	Les Laboratoires Servier	Pháp	450mg+50n	Viên	3.583,80
89	DALACIN C 300mg	Fareva Amboise	Pháp	300mg	Viên	12.062,11
90	DẦU NÓNG MẶT TRỜI 18,63g+6,3g+	Chi nhánh công ty cổ ph	Việt Nam	18,63g+6,3g	Chai	35.952,00
91	DEMENCUR 100 100mg	Công ty Cổ phần Dược	Việt Nam	100mg	Viên	9.095,00
92	DEPAKINE 200mg 200mg	Sanofi Aventis S.A	Tây Ban N	200mg	Viên	2.726,90
93	DEPAKINE Chrono 333mg+145mg	Sanofi Winthrop Indust	Pháp	333mg+145	Viên	7.460,04
94	DEPO- MEDROL INJ 40mg-1ml	Pfizer Manufacturing B	Bi	40mg-1ml	Hộp	37.095,83
95	DEVODIL 50 50mg	Remedica Ltd	Cyprus	50mg	Viên	2.860,00
96	DEXAMOXI (5mg + 1mg)/ml x 2ml	CPC1 Hà Nội	Việt Nam	(5mg + 1mg	Ống	22.470,00
97	DEXIBUFEN SOFTCAP 400 mg	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	400 mg	Viên	6.403,95
98	DEXTROMETHORPHAN 15mg 15mg	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	15mg	Viên	190,89
99	DIAMICRON MR 30MG 30mg	Les Laboratoires Servier	Pháp	30mg	Viên	2.950,20
100	DIAMICRON MR 60MG 60mg	Les Laboratoires Servier	Pháp	60mg	Viên	5.484,82
101	DICSEP 500mg	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	500mg	Viên	4.950,00
102	DIOSMIN 500 450mg+50mg	Công ty TNHH LD Stel	Việt Nam	450mg+50n	Viên	1.798,49
103	DIOVAN 80MG 80mg	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban N	80mg	Viên	10.021,62
104	DORITHRICIN 0,5mg+1mg+1,5mg	medice	Đức	0,5mg+1mg	Viên	2.639,98
105	DUPHALAC 15ML 10g-15ml	Abbott Biologicals B.V	Hà lan	10g-15ml	Gói	2.851,20
106	DUPHASTON 10mg	Abbott Biologicals B.V	Hà lan	10mg	Viên	8.268,96
107	DUSPATALIN RETARD 200mg	MYLAN LABORATOIR	Pháp	200mg	Viên	6.280,90
108	EFFERALGAN 500mg	UPSA SAS	France	500mg	Viên	2.694,98
109	EFFERALGAN 150MG SUPPO 150mg	UPSA SAS	Pháp	150mg	Viên	2.483,71
110	EFFERALGAN 80MG SUPPO 80mg	UPSA SAS	Pháp	80mg	Viên	2.079,00
111	EFTICOL 0,9%-10ml	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	0,9%-10ml	Lọ	2.200,00
112	ELTHON 50MG 50mg	Mylan EPD G.K.	Nhật Bản	50mg	Viên	5.011,60
113	EMLA Cream 5g 5%- 5g	RECIPHARM KARLSH	Thụy Điển	5%- 5g	Tuýp	52.430,00

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Đơn vị tính	Giá bán
114	ENTEROGERMINA 2 tỷ bào tử/ 5ml	Sanofi S.p.A	Ý	2 tỷ bào tử/	Ống	7.023,48
115	ENTEROGERMINA 4 tỷ bào tử/ 5ml	Sanofi S.p.A	Ý	4 tỷ bào tử/	Ống	13.780,54
116	ENVIX 6 6mg	CÔNG TY LD MEYER	Việt Nam	6mg	Viên	25.680,00
117	ENZICOPA 50mcg Selen + 50mcg Cro	CPC1-Hà Nội	Việt Nam	50mcg Sele	Viên	5.390,00
118	ERAXIS 100mg	Pharmacia & Upjohn Co	Mỹ	100mg	Lọ	3.907.008,00
119	EVALDEZ - 50 50mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	50mg	Viên	3.850,00
120	FASTUM GEL 2,5%-30g	A.Menarini Manufactur	Ý	2,5%-30g	Tuýp	50.825,00
121	FATIG 0,426g+0,456g - 10ml	Pharmatis	Pháp	0,426g+0,45	Ống	5.524,37
122	FELODIPINE STELLA 5mg Retard 5m	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	5mg	Viên	1.540,00
123	FLAZACORT 6 6mg	Công ty TNHH liên doa	Việt Nam	6mg	Viên	8.025,00
124	FLEET ENEMA (19g + 7g)/118ml - 13	C.B. Fleet Company Inc	Mỹ	(19g + 7g)/1	Chai	63.130,00
125	FLUCONAZOL 150mg	Chi nhánh Công ty TNH	Việt Nam	150mg	Viên	9.842,98
126	FLUMETHOLON 0,1 0,1%-5ml	Santen Pharmaceutical Co	Nhật Bản	0,1%-5ml	Lọ	32.177,04
127	FOGYMA 50mg/10ml	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	50mg/10ml	Ống	8.025,00
128	FORGOUT 40mg		Việt Nam	40mg	Viên	12.807,90
129	FORLAX 10g	BEAUFOUR IPSEN IN	Pháp	10g	Gói	4.702,47
130	FORXIGA 10MG 10mg	AstraZeneca Pharmaceu	Mỹ	10mg	Viên	20.330,00
131	FOSMICIN 500mg	Meiji Seika Pharma Co.	Nhật Bản	500mg	Viên	20.330,00
132	FUCICORT 300mg+15mg - 15g	Leo Laboratories Limite	Ireland	300mg+15n	Tuýp	105.223,64
133	FUCIDIN 2%-15g	Leo Laboratories Limite	Ireland	2%-15g	Tuýp	80.330,25
134	FUDCIME 200MG 200mg	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	200mg	Viên	5.435,60
135	FUGACAR 500mg	Olic	Thái Lan	500mg	Viên	20.942,04
136	FUMAGATE - FORT 800mg+800mg+	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	800mg+800	Gói	4.289,99
137	FUNGAFIN 10mg/ 1g	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	10mg/ 1g	Lọ	80.250,01
138	GALVUS 50mg	Novartis Farmaceutica S	Tây Ban N	50mg	Viên	8.800,75
139	GAVISCON DUAL ACTION 500mg, 2	Reckitt Benckiser Healt	Anh	500mg, 213	Gói	7.941,51
140	GELLUX 1g-15g	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	1g-15g	Gói	2.969,99
141	GENSHU Cao hỗn hợp các dược liệu (t	Công ty TNHH Dược p	Việt Nam	Cao hỗn hợp	Viên	18.725,00
142	GLUCOPHAGE 500MG 500mg	Merck Sante s.a.s	Pháp	500mg	Viên	1.757,80
143	GLUCOPHAGE 850MG 850mg	Merck Sante s.a.s	Pháp	850mg	Viên	3.786,21
144	GLUCOPHAGE XR 750MG 750mg	Merck Sante s.a.s	Pháp	750mg	Viên	4.044,70
145	GLUCOSE 30% - 250ML 30%-250ml	Công ty Cổ phần Fresen	Việt Nam	30%-250ml	Chai	13.706,70
146	GLUCOSE KABI 30% 5ML 30% x 5ml			30% x 5ml	Ống	1.617,00
147	GLUCOVANCE 500mg+5mg	Merck Sante s.a.s	Pháp	500mg+5mg	Viên	5.184,30
148	GLUPAIN FORTE 750mg	Contract Manufacturing	Úc	750mg	Viên	11.235,00
149	GOLISTIN-ENEMA 133ml, (21,41+7,8	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	133ml, (21,	Chai	55.613,25
150	GREENPAM 80mg	MedicaKorea Co., Ltd	Hàn Quốc	80mg	Viên	6.741,00
151	GROW-F 500mg x 10ml	Công ty Cổ phần dược	Việt Nam	500mg x 10	Ống	9.309,00
152	HANTACID 220 mg + 195 mg + 25 mg	CPC1 Hà Nội	Việt Nam	220 mg + 19	Ống	4.389,00

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Đơn vị tính	Giá bán
153	HAPACOL 250mg	Công ty cổ phần Dược H	Việt Nam	250mg	Gói	1.595,00
154	HAPACOL 150 150mg	Công ty cổ phần Dược H	Việt Nam	150mg	Gói	855,60
155	HERADREA 400MG 400mg			400mg	Viên	4.290,00
156	HERAPROSTOL 200 mcg	Công ty TNHH Sinh dư	Việt Nam	200 mcg	Viên	3.850,00
157	HIDRASEC 10MG INFANTS 10mg	SOPHARTEX	Pháp	10mg	Gói	5.383,40
158	HO ASTEX 45g + 11,25g + 83,7mg - 9	Chi nhánh công ty cổ ph	Việt Nam	45g + 11,25	Chai	35.390,25
159	HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO ĐÔNG	Công Ty Cổ Phần Dược	Việt Nam	1200mg + 1	Viên	5.617,50
160	HYLAFORM 0,1% 1mg/1ml	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	1mg/1ml	Ống	10.700,00
161	HYTINON 500mg	Korea United Pharm. In	Hàn Quốc	500mg	Viên	4.730,00
162	IBARTAIN MR 150mg	Công ty TNHH dược ph	Việt Nam	150mg	Viên	6.954,99
163	IMODIUM 2mg	Olic (Thailand) Limited	Thái Lan	2mg	Viên	3.052,49
164	INDOPRIL 5 5mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	5mg	Viên	2.639,99
165	KAMYDAZOL 0,75MUI + 125mg	Khánh hòa	Việt Nam	0,75MUI +	Viên	963,70
166	KARY Uni 0,005%-5ml	Santen Pharmaceutical C	Nhật Bản	0,005%-5m	Lọ	32.414,15
167	KBAT 100mg		Romani	100mg	Viên	16.264,00
168	Klamenti 250/31.25 250mg + 31,25mg	Công ty cổ phần Dược H	Việt Nam	250mg + 31	Gói	2.585,00
169	KUPMEBAMOL 500mg	Công ty cổ phần Korea	Việt Nam	500mg	Viên	3.080,00
170	LAMPAR 5mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	5mg	Viên	1.429,99
171	LANSOPRAZOL STELLA 30MG 30m	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	30mg	Viên	1.517,98
172	L-BIO-N ≥ 10^9 CFU	Công ty liên doanh dược	Việt Nam	≥ 10^9 CFU	Gói	6.120,40
173	LEGALON 70 PROTECT MADAUS 7	Madaus GmbH	Đức	70mg	Viên	4.290,00
174	LIPANTHYL 200M 200mg	Recipharm Fontaine	Pháp	200mg	Viên	7.546,71
175	LIPANTHYL NT 145MG 145mg	Fournier Laboratories Ir	Ailen	145mg	Viên	11.300,28
176	LIPISTAD 20 20mg	Chi nhánh Công ty TNH	Việt Nam	20mg	Viên	730,22
177	LIPITOR 10MG 10mg	Pfizer Pharmaceuticals I	Mỹ; Đông	10mg	Viên	17.056,87
178	LIPITOR 20MG 20mg	Pfizer Pharmaceuticals I	Mỹ; Đông	20mg	Viên	17.056,87
179	LISONORM 5mg + 10mg	Gedeon Richter Plc	Hungary	5mg + 10m	Viên	5.617,50
180	LOPECOL 60mg/10ml	Công ty cổ phần dược v	Việt Nam	60mg/10ml	Ống	8.560,00
181	LORASTAD 10mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	10mg	Viên	977,48
182	LORNOMEYER 4 4mg	Meyer-BPC	Việt Nam	4mg	Viên	6.099,00
183	LOSTAD 25 25mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	25mg	Viên	920,00
184	LOSTAD 50 50mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	50mg	Viên	1.528,99
185	L-STAFLOXIN 500 500mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	500mg	Viên	2.199,95
186	MAGNE - B6 STELLA 470mg+5mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	470mg+5m	Viên	1.000,49
187	MEBEVER MR 200MG CAPSULES 2	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Pakistan	200mg	Viên	3.795,00
188	MEDICA REBACID 100mg	MedicaKorea Co., Ltd	Hàn Quốc	100mg	Viên	5.885,00
189	MEDORAL 0,5g-250ml	Công ty Cổ Phần Tập Đ	Việt Nam	0,5g-250ml	Chai	96.300,00
190	MEDROL 16mg	Pfizer Italia	Ý	16mg	Viên	4.039,20
191	MEMOBACK 4MG 4mg/5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	4mg/5ml	Ống	16.852,50

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Đơn vị tính	Giá bán
192	MEPATYL	Công ty Cổ Phần Tập Đ	Việt Nam		Lọ	48.150,00
193	MESECA 0,05%-60 liều	Công ty Cổ Phần Tập Đ	Việt Nam	0,05%-60 li	Lọ	102.720,03
194	METFORMIN STELLA 850 850mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	850mg	Viên	805,00
195	METOXA	Công ty Cổ Phần Tập Đ	Việt Nam		Lọ	69.550,04
196	MEYERNIFE SR 1000mg /10ml	Công ty liên doanh Mey	Việt Nam	1000mg /10	Ống	11.235,00
197	MHAESCIN 40 40 mg	Công ty cổ phần Dược N	Việt Nam	40 mg	Viên	6.184,60
198	MIBOGA 5g	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	5g	Gói	28.355,00
199	MICARDIS 40MG 40mg	Boehringer Ingelheim P	Đức	40mg	Viên	10.520,23
200	MIFE 200 200mg	Công ty TNHH Sinh dư	Việt Nam	200mg	Viên	53.286,00
201	MIFEXTON 500mg	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	500mg	Viên	19.153,00
202	MILIAN 400mg+50mg - 20ml	CHI NHÁNH CTY CPI	Việt Nam	400mg+50n	Chai	11.235,00
203	MINSON 8MG 8mg	Công ty cổ phần US Pha	Việt Nam	8mg	Viên	5.148,00
204	MIRZATEN 30MG 30mg	KRKA, D.D, NOVO M	Slovenia	30mg	Viên	14.980,00
205	MIXTARD 30 (700IU+300IU)/10ml	Novo Nordisk Productio	Pháp	(700IU+300	Lọ	59.063,57
206	MOBIC 15MG 15mg	Boehringer Ingelheim	Greece	15mg	Viên	17.322,18
207	MOBIC 7,5MG 7,5mg	Boehringer Ingelheim	Greece	7,5mg	Viên	9.760,52
208	MONINE 8mg/10ml	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	8mg/10ml	Ống	26.750,00
209	MOTILIUM-M 10mg	Olic (Thailand) Limited	Thái Lan	10mg	Viên	1.994,29
210	MOXETERO 400mg	Hetero Labs LTD	Ấn Độ	400mg	Viên	34.240,00
211	MOXIEYE 5mg/ml x 2ml	CPC1 Hà Nội	Việt Nam	5mg/ml x 2	Ống	24.610,00
212	MYDOCALM 50 50mg	Gedeon Richter Plc.	Hungary	50mg	Viên	2.517,90
213	NASRIX 20mg+10mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	20mg+10mg	Viên	3.960,00
214	NATRI CLORID 0,9% x 1000ml 0,9%,	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	0,9%, -1000	Chai	10.785,60
215	NATRILIX SR 1,5mg	Les Laboratoires Servic	Pháp	1,5mg	Viên	3.591,50
216	NAUSAZY 4mg 4mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	4mg/ 5ml	Ống	15.729,00
217	NEGACEF 250mg 250mg	PYMEPHARCO	Việt Nam	250mg	Viên	3.289,00
218	NEGACEF 500mg 500mg	PYMEPHARCO	Việt Nam	500mg	Viên	6.398,60
219	NEO- MEGYNA 500mg+65.000UI+10	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	500mg+65.0	Viên	2.431,00
220	NEO-CODION 25mg+100mg+20mg	SOPHARTEX	Pháp	25mg+100n	Viên	3.943,50
221	NESO 500MG/20MG TABLET 500mg	Aristopharma Ltd	Banglades	500mg + 20	Viên	13.567,60
222	NEUCITIN 120mg	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	120mg	Viên	4.730,00
223	NEURALMIN 75 75mg	BOSTON	Việt Nam	75mg	Viên	9.095,00
224	NEURONSTAD 300mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	300mg	Viên	1.034,99
225	NEXIUM MUP 20MG 20mg	ASTRAZENECA AB	Thụy Điển	20mg	Viên	24.027,92
226	NEXTG CAL 500mg+120mg+55mg+8	Probiotec Pharma Pty.L	Úc	500mg+120	Viên	5.617,50
227	NIFEDIPIN T20 RETARD 20mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	20mg	Viên	597,99
228	NIVALIN 5mg 5mg	SOPHARMA	BULGAR	5mg	Viên	22.470,00
229	NO-SPA 40mg 40mg	Công ty Cổ Phần Sanofi	Việt Nam	40mg	Viên	883,20
230	NO-SPA FORTE 80mg	Chinoïn Pharmaceutical	Hungary	80mg	Viên	1.273,80

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Đơn vị tính	Giá bán
231	NPLUVICO 100mg+300mg	Công ty cổ phần dược N	Việt Nam	100mg+300	Viên	1.963,50
232	NYSTATIN 25000IU 25.000UI /1g	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	25.000UI /1	Gói	1.086,75
233	OCID 20mg	Cadila Healthcare Ltd.	India	20mg	Viên	264,50
234	OFLOVID 0,3%-5ml	Santen Pharmaceutical	Nhật Bản	0,3%-5ml	Lọ	59.782,56
235	OFLOVID Ophthalmic Ointment 0,3%-	Santen Pharmaceutical	Nhật Bản	0,3%-3,5g	Tuýp	79.746,03
236	ONDANSETRON KABI 2mg/ml - 4ml	Labesfal - Laboratorios	Bồ Đào N	8mg/4ml	Ống	20.511,90
237	ONDANSETRON-BFS 8mg/4ml	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	8mg/4ml	Ống	15.729,00
238	OPETRADOL 325mg+37,5mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	325mg+37,5	Viên	5.500,00
239	Oresol Hương Cam (0,7g + 0,3g + 0,58g	Công ty cổ phần Hóa d	Việt Nam	(0,7g + 0,3g	Gói	1.760,00
240	ORGAMETRIL 5mg	N.V. Organon	Hà lan	5mg	Viên	2.089,98
241	OSVIMEC 300mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	300mg	Viên	11.395,50
242	PANCRES 4080IU + 3400IU + 238IU	USA- NIC Pharma Co.,	Việt Nam	4080IU + 34	Viên	3.300,00
243	PANTONIX 40 TABLET 40mg	Incepta Pharmaceutical	Banglades	40mg	Viên	6.420,00
244	PARTAMOL TAB. 500mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	500mg	Viên	632,50
245	PHABACERIN 50 50mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	50mg	Viên	6.634,00
246	PHARMOX IMP 1g 1g	Imexpharm	Việt Nam	1g	Viên	5.550,09
247	PHENTINIL 100mg	Công ty cổ phần Pymep	Việt Nam	100mg	Viên	301,30
248	PHENTINIL 100mg	Công ty cổ phần Pymep	Việt Nam	100mg	Viên	301,30
249	PHOSPHALUGEL 20%	Pharmatis	Pháp	20%	Gói	4.415,40
250	PIASCLEDINE 100+200mg	Laboratoires Expansci	Pháp	100+200mg	Viên	12.840,00
251	PLAVIX 75mg	Sanofi Winthrop Indust	Pháp	75mg	Viên	17.996,33
252	POVIDONE 10%-20ml	Agimexpharm	Việt Nam	10%-20ml	Chai	5.389,23
253	POVIDONE 10%-20ml	Agimexpharm	Việt Nam	10%-20ml	Chai	5.390,01
254	PRACETAM 800mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	800mg	Viên	1.347,50
255	PRADAXA 110MG 110mg	Boehringer Ingelheim P	Đức	110mg	Viên	32.515,14
256	PRED FORTE 1%-5ml	Allergan Pharmaceutica	Ailen	1%-5ml	Lọ	33.984,75
257	PRILIGY 30mg	Menarini - Von Heyden	Đức	30mg	Viên	201.757,50
258	PROCORALAN 5MG 5mg	Les Laboratoires Servic	Pháp	5mg	Viên	10.986,76
259	PROXETIN 30 30mg	Công ty Liên doanh Me	Việt Nam	30mg	Viên	6.206,00
260	PULMICORT respules 500mcg/2ml	ASTRAZENECA AB	Thụy Điển	500mcg/2m	Ống	14.802,38
261	PYFACLOR 500mg	Công ty cổ phần Pymep	Việt Nam	500mg	Viên	8.560,00
262	Q-MUMASAbaby 0,9%-10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	0,9%-10ml	Ống	5.280,00
263	RABETO-40 40mg	Flamingo Pharmaceutic	Ấn Độ	40mg	Viên	8.827,50
264	RAMCAMIN 20mg + 40mg	Me Di Sun	Việt Nam	20mg + 40n	Viên	5.550,09
265	REXAMINE SUSP 50mg / 5ml	Công ty Cổ phần dược V	Việt Nam	50mg / 5ml	Chai	96.300,00
266	RICAS 15MG 15mg	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	15mg	Viên	25.680,00
267	RIFALIV 200 200mg		Ấn Độ	200mg	Viên	17.655,00
268	ROFAST 20 20mg	Aurobindo Pharma Lim	Ấn Độ	20mg	Viên	13.375,00
269	RUPAFIN 10mg	J.Uriach & Cía S.A	Spain	10mg	Viên	6.954,91

HỒ
TÊN
OÁ
ƯC
ĐC
M

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Đơn vị tính	Giá bán
270	SANCEFUR 35mg	Pharmathen S.A	Hy Lạp	35mg	Viên	57.245,00
271	SANLEIN 0,1 0,1%-5ml	Santen Pharmaceutical	Nhật Bản	0,1%-5ml	Lọ	66.508,95
272	SAVI MESALAZINE 500 500mg	Công ty co phan duoc p	Việt Nam	500mg	Viên	8.452,99
273	SCANAX 500 500mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	500mg	Viên	1.429,98
274	SCANNEURON 100mg +200mg+200mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	100mg +200	Viên	1.319,99
275	SCILIN M30 (30/70) 100 IU/ml x 3ml	Bioton S.A.	Ba Lan	100 IU/ml x 3	Ống	101.274,43
276	SERETIDE EVOHALER (25mcg+250mcg)	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban N	(25mcg+250	Lọ	291.994,48
277	SILYGAMMA 150mg	Dragenopharm Apothek	Đức	150mg	Viên	4.378,00
278	SILYMAX COMPLEX 140mg + 200mg	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	140mg + 200	Viên	5.885,00
279	SIMETHICONE STELLA 1g-15ml	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	1g-15ml	Chai	21.399,29
280	SINGULAIR 4MG 4mg	Merck Sharp & Dohme	Anh	4mg	Viên	14.447,13
281	SIRO HO HASPAN Mỗi chai 100ml ch	Công ty cổ phần dược v	Việt Nam	Mỗi chai 100	Chai	55.635,75
282	SMECTA 3g	BEAUFOUR IPSEN IN	Pháp	3g	Gói	4.128,28
283	SMODIR-DT 300mg	Công ty cổ phần Dược p	Việt Nam	300mg	Viên	15.622,00
284	SOFENAC 100mg	Công ty TNHH Phil Int	Việt Nam	100mg	Viên	4.851,00
285	SPASMOMEN 40mg	Berlin Chemie AG (Me	Đức	40mg	Viên	3.888,50
286	STADNEX 20 CAP 20mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	20mg	Viên	3.057,99
287	STADNEX 40 CAP 40mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	40mg	Viên	6.955,00
288	STADOVAS 5 CAP 5mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	5mg	Viên	805,00
289	STATRIPSINE 21 microkatal	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	21 microkat	Viên	908,50
290	STAVACOR 20mg	Công ty TNHH Sinh dư	Việt Nam	20mg	Viên	6.901,50
291	STRESAM 50mg	Biocodex	Pháp	50mg	Viên	3.629,99
292	SUCRAPI 1g-15g	Công ty cổ phần Dược A	Việt Nam	1g-15g	Gói	4.950,00
293	SUMAKIN 1G 875mg + 125mg	Công ty Cổ Phần Hóa -	Việt Nam	875mg + 125	Viên	14.979,95
294	SYMBICORT Rapihaler (160mcg + 4,5mcg)	AstraZeneca	Pháp	(160mcg + 4,5	Lọ	455.700,00
295	SYMBICORT Turbuhaler (160mcg + 4,5mcg)	ASTRAZENECA AB	Thụy Điển	(160mcg + 4,5	Lọ	229.949,97
296	TACROPIC 0,03% 0,03%-10g	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	0,03%-10g	Tuýp	51.360,00
297	TANAKAN 40mg	BEAUFOUR IPSEN IN	Pháp	40mg	Viên	4.655,20
298	TANGANIL 500MG 500mg	PIERRE FABRE MEDI	Pháp	500mg	Viên	5.073,19
299	TATANOL 500mg	Công ty cổ phần Pymep	Việt Nam	500mg	Viên	261,05
300	TEBONIN 120mg	Dr. Willmar Schwabe G	Đức	120mg	Viên	12.133,80
301	TEFOSTAD T300 300mg	Công ty TNHH Liên do	Việt Nam	300mg	Viên	2.749,98
302	TELFAST HD 180mg	Công ty Cổ Phần Sanofi	Việt Nam	180mg	Viên	7.809,93
303	TENAFIN 1% 10mg/ml x 20ml	Công ty cổ phần dược p	Việt Nam	10mg/ml x 20	Lọ	83.460,00
304	THERESOL 4g+0,7g+0,58g+0,3g	Công ty cổ phần dược-v	Việt Nam	4g+0,7g+0,5	Gói	1.782,00
305	THUỐC HO ASTEMIX Mỗi ml cao lỏn	CÔNG TY CỔ PHẦN I	Việt Nam	Mỗi ml cao	Chai	65.230,41
306	THUỐC HO NGƯỜI LỚN - OPC 16,2g	Chi nhánh công ty cổ ph	Việt Nam	16,2g+1,8g	Chai	24.717,00
307	THYROZOL 5MG 5mg	Merck KGaA	Đức	5mg	Viên	1.540,00
308	TOBRADEX 0,3%+0,1%-5ml	s.a Alcon Couvreur NV	Bi	0,3%+0,1%	Lọ	50.610,36

BẢNG GIÁ MỸ PHẨM

Năm 2024

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Đơn vị tính	Giá bán
1	ANTI AGE PEEL II 6% 2% 0.25% - 100ml	Pharma Cosmetics	Israel	6% 2% 0.25%	Chai	2.325.599,69
2	ATOPALM 30ml	Neopharm Korea C	Hàn Quốc	30ml	Tuýp	210.000,00
3	BALANCE PEEL III 6.3% 2% 0.2% - 100ml	Pharma Cosmetics	Israel	6.3% 2%	Chai	2.560.200,00
4	BIODERMA ATODERM INTENSIVE GEL C	Naos Les Laborato	Pháp		Tuýp	231.000,00
5	BIODERMA SEBIUM GEL MOUNSSANT 10	Naos Les Laborato	Pháp		Tuýp	173.250,00
6	BIODERMA SEBIUM H2O 100ML	Naos Les Laborato	Pháp		Chai	178.500,00
7	BIODERMA SEBIUM HYDRA 40ML	Naos Les Laborato	Pháp		Tuýp	367.499,98
8	BIODERMA SEBIUM SENSITIVE 30ML	Naos Les Laborato	Pháp		Tuýp	380.100,11
9	BIODERMA SENSIBIO H2O 100ML	Naos Les Laborato	Pháp		Chai	178.499,90
10	BIODERMA SENSIBIO TONIQUE 100ML	Naos Les Laborato	Pháp		Chai	226.800,00
11	CERADAN 30g	Toshiki Internation	Singapore	30g	Tuýp	235.199,58
12	DUNG DỊCH VỆ SINH PHỤ NỮ NORAT		Việt Nam		Chai	101.649,94
13	FAIRENCE T Complex	Toshiki Internation	Singapore		Lọ	1.020.000,10
14	FIXDERMA CLEOVERA CREAM 60g	Fixderma India Pvt	Ấn Độ	60g	Tuýp	204.750,00
15	FIXDERMA SHADOW SPF 30+ GEL 75g	Fixderma India Pvt	Ấn Độ	75g	Tuýp	267.750,00
16	GEL VỆ SINH PHỤ NỮ 200ml		Việt Nam	200ml	Chai	199.500,00
17	GLYCOLIC AICD PEEL 35% 10s 64,4%+34,9	Milbar Laboratorie	Mỹ	64,4%+34,9	Gói	183.225,04
18	GOODNDOC AC CONTROL HOUTTUYNIA CORDATA MIST		Việt Nam	100ml	Chai	340.200,00
19	LACTASOFT 200ml	Công ty cổ phần d	Việt Nam	200ml	Chai	97.900,00
20	LACTASOFT LADY 200ml	Công ty cổ phần d	Việt Nam	200ml	Chai	150.150,00
21	MOISTURIZING FIXDERMA 60g	Fixderma India Pvt	Ấn Độ	60g	Tuýp	220.500,00
22	NON DRYING FIXDERMA 60g	Fixderma India Pvt	Ấn Độ	60g	Tuýp	199.500,03
23	PARASKIN SPRAY 150ml		Việt Nam	150ml	Chai	241.500,00
24	POST PEEL NEUTRALIZER	Milbar Laboratorie	Mỹ		Chai	3.336.419,59
25	REBONCEL AC GEL 15g		Hàn Quốc	15g	Tuýp	278.250,00
26	REBONCEL S-CLINIC SOAP 100g		Hàn Quốc	100g	Cái	141.750,00
27	REDWIN BODY WASH 500ml	Pharmacare Labora	Úc	500ml	Chai	416.850,00
28	REDWIN MOISTURISER 100g	Pharmacare Labora	Úc	100g	Tuýp	252.000,00
29	REDWIN SHAMPOO 250ml	Pharmacare Labora	Úc	250ml	Chai	296.100,02
30	ROSKEN SKIN REPAIR AD PROBIOTIC CR	Scental Pacific Pty	Úc		Chai	378.000,02
31	ROSKEN SKIN REPAIR FEET & HEEL BAL	Scental Pacific Pty	Australia		Chai	577.500,00
32	SCAR FIXDERMA 15ml	Fixderma India Pvt	India	15ml	Tuýp	273.000,00
33	SKARFIX PLUS FIXDERMA 15g	Fixderma India Pvt	India	15g	Tuýp	241.500,00
34	STANHOME - BALANCE SHAMPOO 3%		Pháp	3%	Chai	314.045,66
35	VASELIN 10g	CHI NHÁNH CTY	Việt Nam	10g	Tuýp	17.655,00



Trưởng Khoa Dược

Phòng TKCT

Ngày tháng năm 2024

Người lập

DSCN. Nguyễn Thị Diễm Chi

Nguyễn Tấn Thành

Chị Phạm Thị Thu Hằng

TS. BS. Cao Tấn Phước

BẢNG GIÁ VẬT TƯ Y TẾ
Năm 2024

STT	Tên dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hàm lượng	Giá bán
1	ALFASEPT CHG BODY WASH	Công ty cổ ph	Việt Nam		21.908,25
2	ALLERGOFF BARRIER CREAM FOR	ICB Pharma	Ba Lan	75ml	362.250,00
3	BĂNG BỘT TỔNG HỢP 10cm x 360cm	Công ty TNHH	Việt Nam		108.000,00
4	BĂNG CUỘN 0,07 x 2,5m	Bảo Thạch	Việt Nam	0,07 x 2,5m	2.142,00
5	BĂNG THUN 3 MÓC 0,1m x 3,5m	Bảo Thạch	Việt Nam	0,1m x 3,5m	16.380,00
6	BĂNG THUN CỔ CHÂN	VIỆT NAM	Việt Nam		57.599,64
7	BĂNG THUN CỔ TAY	VIỆT NAM	Việt Nam		53.999,82
8	BĂNG THUN GỐI	VIỆT NAM	Việt Nam		75.600,00
9	BĂNG THUN KHỦY	VIỆT NAM	Việt Nam		53.999,82
10	BĂNG TREO TAY	VIỆT NAM	Việt Nam		33.599,16
11	BỘ RỬA MŨI XOANG RINORIN (BỘ	CÔNG TY C	Việt Nam		184.800,00
12	BÔNG GÒN BẢO THẠCH 100g 100g	Bảo Thạch	Việt Nam	100g	21.420,00
13	BÔNG GÒN BẢO THẠCH 25g 25g	Bảo Thạch	Việt Nam	25g	6.300,00
14	BÔNG GÒN VIÊN BẢO THẠCH TT 1	Bảo Thạch	Việt Nam	100g	23.940,00
15	CHÔI PHẾT TẾ BÀO 40 cái	B&B	Korea	40 cái	20.400,00
16	CLIN SAFE 100mg + 200mg		Ấn Độ	100mg +	24.200,00
17	ĐAI CỔ CỨNG	Viet nam	Việt Nam		101.999,52
18	ĐAI DESAULT	Viet nam	Việt Nam		98.399,70
19	ĐAI ĐÙI	Viet nam	Việt Nam		107.999,64
20	ĐAI LƯNG	Viet nam	Việt Nam		107.999,64
21	ĐAI XƯƠNG ĐÒN	Viet nam	Việt Nam		69.599,90
22	DÂY TRUYỀN MÁU 18G 1 1/2	Perfect	Việt Nam	18G 1 1/2	10.686,00
23	DÂY TRUYỀN MÁU				6.098,40
24	DÂY TRUYỀN MÁU HONGDA				7.333,20
25	DR.XIDINZ 0,12% - 250ml	Công ty Cổ p	Việt Nam	0,12% -	98.999,98
26	Dung dịch xúc miệng - họng SUPOWA	CÔNG TY T	Việt Nam		115.500,00
27	EARTHLYGLOW PROVARICOSE VEINS CARE Hộp 1 tuýp 6			Hộp 1 tu	254.100,00
28	GẠC TIẾT TRÙNG 5 x 6,5	Bảo Thạch	Việt Nam	5 x 6,5	5.670,00
29	GẠC TIẾT TRÙNG 8 x 10	Bảo Thạch	Việt Nam	8 x 10	13.860,00
30	GEL BÔI HỖ TRỢ GIẢM ĐAU LẠNH	VIKING LAB	Finland		346.500,00
31	GEL giảm đau NOCICEPTOL 120ML	Laboratoire P	Pháp		310.800,00
32	GEL TRỊ MỤN OXICRON	CÔNG TY T	Việt Nam		241.500,00



33	GÓI RỬA MŨI XOANG RINORIN	CÔNG TY C	Việt Nam		4.620,00
34	HEALIT GEL Copolymer of 2 - hydrox	VH Pharma a	Czech	Copolymer	309.750,00
35	HEALIT RECTAN Copolymer of 2 - hy	VH Pharma a	Czech	Copolymer	31.886,00
36	KHẨU TRANG	Bảo Thạch	Việt Nam		1.386,00
37	KULSCAR 30ml	Ekubergpharm	Ý	30ml	361.200,00
38	LIFO-SCRUB 4%-10ml	B.Braun Med	Switzerland	4%-10ml	62.927,77
39	LUMBAMED BASIC (Đại lung)	Medi GmbH	Đức		1.530.000,00
40	MIẾNG CÂM MÁU MŨI MEROCEL	Medtronic X	USA	8cm x 1	142.800,00
41	MULTIDEX bột 25 g 25g	Deroyal	USA	25g	315.000,00
42	NEILMED NASAMIST SALINE SPRAY	Neilmed	USA	75ml	117.600,00
43	NEILMED NASOGEL SPRAY 30ml	Neilmed	USA	30ml	277.200,03
44	NEILMED SINUS RINSE PREMIXED	Neilmed	USA	240ml	5.280,00
45	NEILMED SINUS RINSE STARTER K	Neilmed	USA	240ml	270.900,02
46	NEP CHỐNG XOAY	Viet nam	Việt Nam		110.250,00
47	NEP GỐI CHÚC NĂNG H1	Công ty TNHH	Việt Nam		630.000,00
48	NEP ISELIN	Viet nam	Việt Nam		32.399,64
49	NEP NGÓN TAY	Viet nam	Việt Nam		32.399,64
50	NEP VẢI CĂNG CHÂN	Viet nam	Việt Nam		110.250,00
51	NEP VẢI CĂNG TAY	Viet nam	Việt Nam		69.599,88
52	NILOCIN VORTE PEN		Đan Mạch		398.999,16
53	NOVOFINE 31G 0,25 x 6mm	Nipro Medical	Japan	0,25 x 6	2.367,20
54	PHYTOROID SUPPOSITORIES	Benostan Health	Greece		45.360,00
55	QUICKSTICK 25	Pharmatech Inc	USA	25	18.564,00
56	STERIMAR ALLERGIC NOSE (Mn) 5	Church& Dwight	Anh	50ml	96.299,68
57	STERIMAR BLOCKED NOSE BABY	Church& Dwight	Anh	50ml	96.299,68
58	STERIMAR NOSE HYGIENE BABY	Church& Dwight	Anh	50ml	105.929,14
59	STERIMAR NOSE PRONE TO COLD	Church& Dwight	Anh	50ml	96.299,68
60	STERIMAR SENSITIVE NOSE (Sulph	Church& Dwight	Anh	50ml	96.299,68
61	URGO DURABLE 2cm x 6cm 2 x 6cm	Urgo Healthcare	Thái Lan	2 x 6cm	705,88
62	URGO WASHPROOF	Urgo Healthcare	Thái Lan		1.320,00
63	URGOCLEAN Ag 10cmx10cm	Laboratoires	France		159.500,00
64	URGOSTERILE 10cm x 9cm 10 x 9cm	Urgo Healthcare	Thái Lan	10 x 9cm	7.079,98
65	URGOSTERILE 15cm x 9cm 15 x 9cm	Urgo Healthcare	Thái Lan	15 x 9cm	9.000,00
66	URGOSYVAL 1.25cm x 5m (NHỎ)	Urgo Healthcare	Thái Lan		19.200,02
67	URGOSYVAL 2.5cm x 5m (LỚN)	Urgo Healthcare	Thái Lan		28.800,00
68	URGOTUL 10cm x cm 10 x 10cm	Laboratoires	France	10 x 10cm	46.800,00
69	URGOTUL Ag/Silver 10cm x 12cm 10	Laboratoires	France	10 x 12cm	66.000,00
70	VASOFIX G20 1,1 x 33mm	B. Braun Medical	Malaysia	1,1 x 33	18.744,00
71	VASOFIX G22 0,9 x 25mm	B. Braun Medical	Malaysia	0,9 x 25	18.744,00

72	VIÊN NGÂM CLORHEXIDIN ENLIE	CÔNG TY C	Việt Nam	5mg	2.748,90
73	VỐ TĨNH MẠCH DUOMED ĐÙI	Medi GmbH	Germany		948.150,00
74	VỐ TĨNH MẠCH DUOMED GỐI	Medi GmbH	Germany		577.500,53
75	VÒNG TCU 380A CSSKSS 380mm	Pregna Intern	Ấn Độ	380mm	13.800,00
76	XISAT 75ml	Công ty Cổ P	Việt Nam	75ml	26.950,00
77	XISAT BABY 75ml	Công ty Cổ P	Việt Nam	75ml	29.700,00
78	XYPENAT 75ml	Công ty Cổ P	Việt Nam	75ml	36.300,00



Giám Đốc

Trưởng Khoa Dược

Phòng TKCT

Ngày tháng năm 2024

Người lập

TS.BS.Cao Tấn Phước

ĐSCKII. Nguyễn Thị Diễm Chi

Nguyễn Tấn Thành

CN. Phạm Chi Châu Hằng

